

QUAN ĐIỂM HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁP QUYỀN NHÂN NGHĨA

★ TS LÊ THỊ HẰNG

*Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

- **Tóm tắt:** Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đặt nền tảng xây dựng Nhà nước mới và nền pháp quyền Việt Nam. Với trí tuệ và lòng yêu thương con người sâu sắc, trên nền tảng của truyền thống, đạo lý dân tộc, sự tiếp thu học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng pháp lý tiên bộ thế giới, Hồ Chí Minh đã thực hiện nhất quán “pháp quyền nhân nghĩa”. Quan điểm pháp quyền với những nội dung cơ bản là sự thống nhất giữa pháp luật và đạo đức cách mạng; xây dựng nền pháp quyền dân chủ, vì con người; xây dựng nền pháp quyền, nhà nước pháp quyền mới của toàn dân.
- **Từ khóa:** Hồ Chí Minh, pháp quyền nhân nghĩa, Mác - Lênin, pháp luật.

1. Sự thống nhất giữa pháp luật và đạo đức cách mạng trong xây dựng nền pháp quyền

Các nhà kinh điển Mác - Lênin khẳng định pháp luật, đạo đức là bộ phận của kiến trúc thượng tầng, là sự phản ánh của nền tảng kinh tế - xã hội trong những thời kỳ nhất định. Pháp luật là hệ thống những nguyên tắc, quy tắc quy định, điều chỉnh các hành vi và hoạt động xã hội của con người, nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị, duy trì trật tự xã hội. Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, pháp luật “là biện pháp chính trị” và pháp quyền tư sản “là ý chí của giai cấp các ông được đề lên thành luật pháp, cái ý chí mà nội dung là do những điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp các ông quyết định”⁽¹⁾. Đạo đức là hệ thống những chuẩn mực nhằm điều chỉnh, đánh giá con người và quan hệ giữa con người

với con người trong xã hội, được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội. Đạo đức không chỉ là các giá trị trong quan hệ giữa người và người, giữa con người với xã hội, mà còn là tính tự trọng, sự tự ý thức về danh dự, nhân phẩm của mỗi con người.

Trong *Hệ tư tưởng Đức*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định, giai cấp nào đang là lực lượng vật chất chiếm vị trí thống trị trong xã hội thì cũng là lực lượng tinh thần chiếm vị trí thống trị. Theo đó, giai cấp thống trị chi phối đạo đức và pháp luật, đồng thời sử dụng chúng như những công cụ, thiết chế để quản lý xã hội, phục vụ cho lợi ích của mình. Pháp luật có vai trò bảo vệ, duy trì và củng cố một kiểu đạo đức nhất định, ngược lại đạo đức cũng có tác dụng củng cố, bảo vệ hệ thống pháp luật nhất định.



Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam vận chuyển thực phẩm giúp dân phòng, chống dịch Covid-19
_ Ảnh: TTXVN

Tiếp thu quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh làm rõ hơn quan điểm về sự thống nhất, sự tác động biện chứng giữa đạo đức và pháp luật trong xây dựng nền pháp quyền.

Pháp luật mới phải dựa trên nền tảng đạo đức cách mạng mà cốt lõi của đạo đức đó là nhân nghĩa: Pháp luật và đạo đức đều là những chuẩn mực giá trị định hướng cho hành động của con người. Đạo đức là nền tảng, pháp luật là những bảo đảm pháp lý cho chuẩn mực đạo đức được thực hiện và bảo vệ nếu bị vi phạm. Khi nêu lên chuẩn mực của đạo đức cách mạng là “trung với nước”, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ quy định pháp luật của “trung với nước” là: “Ai vì nước hy sinh sẽ được thưởng”, ngược lại “thông với giặc, phản quốc sẽ bị xử tử” (Quốc lệnh 1946).

Có thể nói, khác với pháp luật phong kiến và pháp luật tư sản “cho pháp luật dựa vào đạo đức” để che giấu bản chất giai cấp, thì với Hồ Chí

Minh pháp luật phải xây dựng trên nền tảng đạo đức mới - đạo đức cộng sản. Pháp luật phải ghi nhận và bảo đảm thực hiện nguyện vọng, lợi ích của nhân dân, phù hợp với đạo đức xã hội. “Thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức” phải là những giá trị đạo đức cơ bản, cũng là nền tảng trong việc xây dựng và thi hành pháp luật ở chế độ mới. Tôn trọng quyền được hưởng hạnh phúc, tự do không chỉ cho số ít người mà là cho tuyệt đại đa số nhân dân lao động vừa là đạo lý “ở đời và làm người”, vừa là trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý của nhà nước dân chủ.

Bản chất của sự kết hợp pháp luật và đạo đức trong quản lý xã hội của nhà nước chính là phát huy thế mạnh và khắc phục hạn chế của hai công cụ pháp luật và đạo đức. Pháp luật làm cho xã hội và các mối quan hệ xã hội được thực hiện theo chuẩn mực đã định. Không có pháp luật thì xã hội

sẽ rối loạn. Cho nên ngay sau ngày tuyên bố độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trực tiếp tổ chức soạn thảo và ban hành Hiến pháp, luật pháp. Khi chưa có Hiến pháp, Người ra sắc lệnh quy định giữ lại mọi luật lệ cũ còn thích hợp với chế độ mới. Bên cạnh việc triển khai xây dựng hệ thống pháp luật mới, Hồ Chí Minh đề cao giáo dục đạo đức trong điều kiện Đảng trở thành đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Người gửi thư cho các ủy ban nhân dân, các bộ, tỉnh, huyện, làng (vào đầu tháng 12-1945) và gửi thư cho đồng bào Bắc Bộ (vào đầu năm 1947) để răn bảo cán bộ ngoài Đảng, trong Đảng sớm tẩy rửa mọi thói hư tật xấu, tư thù, tư oán, cậy thế, cậy thân, quân phiệt, kẻ cả, hẹp hòi, chuộng hình thức, ích kỷ, háms lợi danh...

Hồ Chí Minh chỉ ra mối quan hệ biện chứng giữa thực hiện đạo đức và thực thi pháp luật. Cùng với việc đề ra những chuẩn mực đạo đức cách mạng, Người đã xây dựng một hệ thống quan điểm pháp luật phù hợp với quan điểm đạo đức mới. Pháp luật là công cụ quản lý xã hội, điều chỉnh và định hướng hành vi của mỗi người theo hướng ngày càng tốt hơn, ngày càng vươn tới các giá trị chân, thiện, mỹ nhằm đáp ứng những yêu cầu, tiêu chí mới về đạo đức xã hội.

Pháp luật bảo đảm thực hiện đạo đức: “Để thực hiện chữ Liêm, cần có tuyên truyền và kiểm soát, giáo dục và pháp luật, từ trên xuống, từ dưới lên trên”⁽²⁾. Nếu đạo đức bị xâm hại thì pháp luật cũng bị vi phạm: “Do BẤT LIÊM mà đi đến tội ác tởm cấp”⁽³⁾. Khi đạo đức bị xâm phạm, pháp luật thể hiện vai trò không thể thay thế trong việc đưa xã hội trở lại ổn định, đồng thời khôi phục, bảo vệ đạo đức.

Ngược lại, nền tảng đạo đức được củng cố là điều kiện thuận lợi duy trì thực hiện pháp luật và phát huy ở mức cao nhất giá trị tốt đẹp mà pháp luật mang lại. Người nêu ví dụ: “Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm

cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, v.v., thì Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”⁽⁴⁾.

Như vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định pháp luật và đạo đức thống nhất với nhau, cùng tham gia điều chỉnh mối quan hệ xã hội, thống nhất nhưng không đồng nhất.

Sự thống nhất giữa đạo đức và pháp luật trong tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện ở cách nhìn nhận về xử lý hành vi con người theo nguyên tắc “có lý”, “có tình”, tôn trọng “cái lý”, đề cao “cái tình” và tùy từng trường hợp, tình huống cụ thể mà xử lý hài hòa, thấu tình đạt lý.

Khi giáo dục con người, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh yếu tố giáo dục đạo đức, lấy đức làm gốc. Bởi vì, dù tài giỏi đến mấy mà không có đức thì không làm được cách mạng. Nhấn mạnh giáo dục đạo đức không có nghĩa Hồ Chí Minh xem nhẹ việc xử phạt. Khi trả lời trước kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa I, Người nói: “Chính phủ hiện thời đã cố gắng liêm khiết lắm. Nhưng trong Chính phủ từ Hồ Chí Minh cho đến những người làm việc ở các ủy ban là đông lắm và phức tạp lắm. Dù sao Chính phủ đã hết sức làm gương, và nếu làm gương không xong thì sẽ dùng pháp luật mà trị những kẻ ăn hối lộ. Đã trị, đương trị và sẽ trị cho kỳ hết”⁽⁵⁾.

Người yêu cầu xử lý hành vi vi phạm pháp luật phải kịp thời, nghiêm minh, bởi không kết hợp tính nghiêm minh của pháp luật với giáo dục đạo đức thì giáo dục đạo đức không có tác dụng mà vụ án Trần Dụ Châu là điển hình, thể hiện tính nghiêm minh pháp luật và đã được nhân dân đồng lòng ủng hộ.

Trong thực tế, Hồ Chí Minh đã kết hợp chặt chẽ việc quản lý, điều hành xã hội bằng pháp luật với tuyên truyền, giáo dục đạo đức cách mạng, nâng cao bản lĩnh chính trị, giác ngộ lý

tướng cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

2. Pháp quyền dân chủ, vì con người

Sự khác biệt giữa chế độ dân chủ với chế độ chuyên chế, theo C.Mác chính là do chế độ dân chủ có đặc trưng cơ bản là luật pháp tồn tại vì con người: “Dưới chế độ dân chủ, không phải con người tồn tại vì pháp luật, mà pháp luật tồn tại vì con người; ở đây sự tồn tại của con người là luật pháp, trong khi đó thì dưới những hình thức khác của chế độ nhà nước, con người lại là tồn tại được quy định bởi luật pháp. Dấu hiệu đặc trưng cơ bản của chế độ dân chủ là như vậy”⁽⁶⁾. Khi bàn về chế độ dân chủ mới - dân chủ cộng sản, các nhà kinh điển đã khẳng định đó là nền dân chủ “do nhân dân tự quy định”; là bước chuyển từ “nhân dân của nhà nước” sang “nhà nước của nhân dân”. Các ông cho rằng “tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”⁽⁷⁾ và nhà nước dân chủ mới phải tạo ra những điều kiện cơ bản để “giải phóng cá nhân” theo phương châm “xã hội sẽ không thể giải phóng nếu không giải phóng mỗi cá nhân riêng biệt”. Như vậy, chỉ đến xã hội XHCN, trong đó nhân dân lao động được đặt vào vị trí trung tâm, pháp luật mới thực sự thể hiện ý chí, nguyện vọng của đông đảo nhân dân lao động và một nền đạo đức chứa đựng những nội dung nhân văn, phù hợp với lợi ích của mọi thành viên trong xã hội mới trở thành một giá trị phổ biến.

Tiếp thu quan điểm của Mác - Lênin về pháp luật dân chủ và công bằng, trong quá trình chỉ đạo xây dựng Nhà nước và pháp luật Việt Nam, Hồ Chí Minh nhất quán quan điểm xây dựng Nhà nước thật sự dân chủ, nhân đạo, ghi nhận và bảo đảm thực hiện các quyền cơ bản, chính đáng cho nhân dân lao động. Tại Lễ tuyên thệ cho các thẩm phán mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tỏ rõ quan điểm về một nền tư pháp vì dân

trong lời căn dặn: Thẩm phán của nước Việt Nam mới, xét xử là phải phục vụ nhân dân, chứ không phải đèn trời soi xét.

Hồ Chí Minh quan niệm bản chất của pháp luật và đạo đức thể hiện ở việc đem lại lợi ích và bảo vệ ai trong xã hội. Hồ Chí Minh lấy việc đặt quyền lợi của tập thể (chủ nghĩa tập thể) lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình để định nghĩa đạo đức cách mạng; lấy sự thống nhất giữa quyền lợi và nghĩa vụ của công dân để định nghĩa đạo đức công dân. Đối với pháp luật, Người lấy việc pháp luật bảo vệ quyền, lợi ích của đa số hay thiểu số giai cấp, tầng lớp trong xã hội để làm căn cứ phân định bản chất của pháp luật cũ và pháp luật XHCN: “Luật pháp cũ là ý chí của thực dân Pháp, không phải là ý chí chung của toàn thể nhân dân... Phong kiến đặt ra luật pháp để trị nông dân. Tư bản đặt ra luật pháp để trị công nhân và nhân dân lao động... Luật pháp của chúng ta hiện nay là ý chí của giai cấp công nhân lãnh đạo cách mạng... Pháp luật của ta hiện nay bảo vệ quyền lợi cho hàng triệu người lao động”⁽⁸⁾. Người còn chỉ rõ: “Tăng cường không ngừng chính quyền nhân dân. Nghiêm chỉnh thực hiện dân chủ với nhân dân, chuyên chính với kẻ địch. Triệt để chấp hành mọi chế độ và pháp luật của Nhà nước”⁽⁹⁾; “Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì”⁽¹⁰⁾. Như vậy, pháp luật bảo vệ dân chủ vừa bằng cách thể hiện dân chủ trong nội dung của pháp luật, vừa định ra các thiết chế và thể chế để bảo đảm dân chủ trên thực tế.

Pháp luật là cơ sở pháp lý để thực hiện quyền dân chủ. Điều quan trọng nhất của pháp luật dân chủ là pháp luật phải tạo ra những bảo đảm vững chắc cho công dân, bảo vệ có hiệu quả nhất quyền làm chủ của họ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, cũng như làm chủ Nhà nước. Hệ thống pháp luật đó phải thể hiện

quyền làm chủ của nhân dân và thể chế hóa thành các quy định mang tính pháp quyền, thành nguyên tắc tổ chức và vận hành của Nhà nước, cũng như các thiết chế chính trị khác. Đồng thời, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, chặt chẽ là cơ sở pháp lý xác lập nền tảng dân chủ, là điều kiện bảo đảm cho việc xây dựng nhà nước pháp quyền.

Mục tiêu trong xây dựng nền pháp quyền không chỉ hướng tới thiết lập trật tự xã hội mà quan trọng hơn vì hạnh phúc con người, để nâng đỡ phần tốt đẹp trong mỗi người, bảo vệ quyền lợi chính đáng của con người. Người từng nói: “Nghĩ cho cùng, vấn đề tư pháp, cũng như mọi vấn đề khác, trong lúc này là vấn đề ở đời và làm người... Phải làm sao đóng góp làm cho nước được độc lập, dân được tự do, hạnh phúc, nhân loại khỏi đau khổ”⁽¹¹⁾. Tư tưởng pháp quyền của Người không chỉ dừng lại ở các quyền con người được ghi trong các văn bản pháp luật mà còn thấm đượm một tấm lòng thương yêu nhân dân, chăm lo cho ấm no, hạnh phúc của nhân dân, thấm đượm lòng nhân ái, nghĩa đồng bào theo đạo lý truyền thống ngàn năm của dân tộc Việt Nam.

Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh có cốt lõi là quan điểm nền pháp lý công bằng cho nhân dân lao động, nền pháp lý hợp lẽ phải của con người là sự kế thừa sâu sắc quan điểm Mác - Lênin về pháp luật. Không chỉ vậy, Người phát triển, nâng tầm quan điểm ấy trở thành một triết lý mang tầm thời đại “Trăm đều phải có thần linh pháp quyền”⁽¹²⁾. Chủ nghĩa Mác nêu ra vị trí, sự cần thiết, không thể thiếu được với pháp luật trong đời sống xã hội. Đến Hồ Chí Minh, pháp quyền nâng lên mức “thần linh”, không phải là sự mơ hồ hay thần thánh hóa pháp luật mà nhấn mạnh vị trí tối cao và quyền uy của pháp luật - một thứ pháp luật hợp lẽ phải, hợp tự nhiên. Trong nền pháp quyền ấy, quyền thiêng liêng, tự

nhiên của mỗi con người, mỗi dân tộc được quy định trong Hiến pháp, trong các điều luật, trở thành độc lập đối với bất kỳ quyền uy nào, lực lượng nào. Quan điểm về pháp quyền tự nhiên, chứa đựng đạo lý và pháp lý nhân bản đã được khẳng định trong Tuyên ngôn độc lập với lời lẽ đanh thép “Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được” “là những lẽ phải không ai chối cãi được”⁽¹³⁾ là đóng góp vô cùng quý báu và to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Pháp lý dân chủ và nhân đạo, mang tính người và tình người là yêu cầu căn bản của tư tưởng pháp lý tiến bộ trên thế giới hiện nay.

3. Xây dựng nền pháp quyền toàn dân

Học thuyết Mác - Lênin quan niệm pháp luật là một hiện tượng lịch sử, phát sinh, tồn tại và phát triển trong xã hội có giai cấp, là biểu hiện tập trung của chính trị và là ý chí của giai cấp thống trị trong một xã hội. Pháp luật luôn có mối quan hệ lịch sử chặt chẽ, không thể tách rời với nhà nước và là một loại hoạt động của nhà nước. Theo V.I.Lênin, trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội có thể có nhiều hình thức nhà nước, nhưng tất cả các hình thức đó đều mang một bản chất duy nhất - bản chất giai cấp công nhân, là nhà nước chuyên chính vô sản. Bản chất giai cấp của nhà nước vô sản được thể hiện ở chỗ, nhà nước đó do đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, thể hiện ý chí của giai cấp công nhân, thực hiện dân chủ thực sự với nhân dân, bảo vệ quyền lợi thực sự của nhân dân, chuyên chính với kẻ thù của nhân dân. Hơn nữa, do trong xã hội XHCN, mục tiêu căn bản nhất là giải phóng xã hội, giải phóng con người, lợi ích của giai cấp công nhân căn bản thống nhất với lợi ích của người lao động, với lợi ích của xã hội, nên nhà nước XHCN vừa mang tính chất giai cấp, vừa mang tính xã hội sâu sắc. Đối với các nhà nước trước đây, chức năng xã hội là cơ sở để thực

hiện chức năng giai cấp. Đối với nhà nước vô sản, vì bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc nên chức năng giai cấp của nhà nước vô sản trở thành phương tiện, công cụ để thực hiện chức năng xã hội của nó. Tính chất nhà nước vô sản sẽ quy định tính chất, mục tiêu pháp luật, pháp chế XHCN.

Từ kinh nghiệm thực tiễn chỉ đạo xây dựng chế độ mới, V.I.Lênin chỉ rõ: việc giai cấp công nhân giữ vai trò thống trị tuyệt nhiên chưa đồng nhất với việc một nền dân chủ cao hơn tự nhiên xuất hiện sau sự kiện ấy. Đây mới chỉ là điều kiện cần nhưng chưa đủ. Giai cấp công nhân đại diện cho nhân dân lao động nắm chính quyền và lãnh đạo xã hội vì lợi ích của họ là thống nhất. Nhưng trong xã hội XHCN, nhà nước chưa thể “tự tiêu vong” hoàn toàn được vì vẫn còn các giai cấp và sự khác biệt giữa các giai cấp thậm chí vẫn còn một nhà nước kiểu tư sản nhưng không có giai cấp tư sản. V.I.Lênin viết: “Trong một thời gian nhất định, dưới chế độ cộng sản, không những vẫn còn pháp quyền tư sản, mà vẫn còn cả nhà nước kiểu tư sản nhưng không có giai cấp tư sản!”⁽¹⁴⁾.

Quán triệt các nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin về bản chất giai cấp của nhà nước, Hồ Chí Minh ý thức rất rõ: tính chất của nhà nước là nội dung giai cấp của chính quyền; nhà nước bảo vệ lợi ích của giai cấp nào thì mang bản chất của giai cấp đó. Hồ Chí Minh nhấn mạnh bản chất giai cấp của pháp luật phải được tuyên bố công khai trong Hiến pháp XHCN: “Tính chất Nhà nước là vấn đề cơ bản của Hiến pháp. Đó là vấn đề nội dung giai cấp của chính quyền. Chính quyền về tay ai và phục vụ quyền lợi của ai? Điều đó quyết định toàn bộ nội dung của Hiến pháp”⁽¹⁵⁾.

Tuy nhiên, xuất phát từ hoàn cảnh thực tế Việt Nam, Hồ Chí Minh có quan niệm riêng, tiến bộ, góp phần bổ sung, phát triển học thuyết Mác -

Lênin trong hoàn cảnh một nước thuộc địa phương Đông mới giành được độc lập, đó là với nhà nước và pháp luật Việt Nam, bản chất giai cấp công nhân được thống nhất chặt chẽ với tính nhân dân và tính dân tộc. Khái niệm nhân dân ở đây không chỉ là nhân dân lao động theo quan điểm của chủ nghĩa Mác mà là tất cả người dân Việt Nam yêu nước “không phân biệt tôn giáo, giàu nghèo, địa vị, trai gái...” hợp thành khối đại đoàn kết dân tộc.

Sự thống nhất này dựa trên các căn cứ khách quan, mà quan trọng nhất là sự thống nhất lợi ích của giai cấp công nhân với lợi ích của nhân dân lao động và lợi ích của toàn dân tộc: Độc lập cho dân tộc; khát vọng dân chủ của toàn thể dân tộc; cuộc sống no đủ, sung sướng, hạnh phúc của tất cả mọi người dân Việt Nam □

Ngày nhận bài: 21-5-2021; Ngày phản biện: 03-9-2021; Ngày duyệt đăng: 22-10-2021.

- (1), (7) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.619, 628.
- (2), (3), (10) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.127, 127, 127.
- (4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.15, Sđd, tr.617.
- (5) Dẫn theo *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946 - 1960*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.98.
- (6) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.350.
- (8), (11) Hồ Chí Minh: *Nhà nước và pháp luật*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.185-187, 174.
- (9) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.14, Sđd, tr.285.
- (12) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.1, Sđd, tr.473.
- (13) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Sđd, tr.1.
- (14) V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.33, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1976, tr.121.
- (15) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, Sđd, tr.370.